

Số: 644/QĐ-UBND

Trà Cú, ngày 07 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phân công nhiệm vụ các Phòng, ban, ngành huyện  
phụ trách hướng dẫn, hỗ trợ địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu  
thuộc các Bộ tiêu chí: Xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao,  
xã nông thôn mới kiểu mẫu và huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 20/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị tại Tờ trình số 12/TTr-PNN ngày 01/3/2022 của Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông về việc Phân công nhiệm vụ các Phòng, ban, ngành huyện phụ trách hướng dẫn, hỗ trợ địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ*

*tiêu thuộc các Bộ tiêu chí: Xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu và huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân công nhiệm vụ các Phòng, ban, ngành huyện phụ trách hướng dẫn, hỗ trợ địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc các Bộ tiêu chí: Xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu và huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (*đính kèm phụ lục I, II, III, IV*).

**Điều 2.** Các Phòng, ban, ngành huyện có trách nhiệm

1. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, các văn bản hướng dẫn của Sở, ban, ngành tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành huyện và các xã có liên quan xây dựng hướng dẫn thực hiện cụ thể các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc các Bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.

2. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ các xã triển khai thực hiện các tiêu chí được phân công, đảm bảo đạt chỉ tiêu theo kế hoạch hàng năm, thẩm định kết quả thực hiện và xác nhận các tiêu chí đã đạt theo quy định.

3. Điều chỉnh, bổ sung, lồng ghép các chương trình, dự án thuộc phạm vi quản lý của ngành, đơn vị gắn với xây dựng nông thôn mới theo các Bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.

4. Định kỳ hàng tháng, quý, năm và đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân huyện (*qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện*).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện; Trưởng các phòng, ban, ngành huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. HU, TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Các phòng, ban ngành huyện;
- VPĐP NTM huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Bình**

**Phụ lục I**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC PHÒNG, BAN, NGÀNH HUYỆN**  
**PHỤ TRÁCH HƯỚNG DẪN, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÃ**  
**NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRÀ CÚ**  
**GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
		2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥90%			
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% sạch và không lầy lội vào mùa mưa, trong đó có 70% cứng hóa			
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥60%			
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên. Riêng đối với vùng sản xuất tập trung đạt 100%	80%	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Nông nghiệp và PTNT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí	
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt				
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 98\%$				
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Các xã có hơn 3 trường	100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó $\geq 70\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Giáo dục và Đào tạo
			Các xã có từ 3 trường trở xuống	100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó $\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1			
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Văn hóa và Thông tin	
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt				
		6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%				
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn theo quy hoạch hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa (nơi mua bán, trao đổi hàng hóa: Tổng diện tích từ 1000 m <sup>2</sup>	Đạt	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		trở lên và có các bộ phận phụ trợ như nhà vệ sinh, nơi đậu xe đảm bảo trật tự an toàn, sử dụng nước hợp vệ sinh, thu gom và xử lý nước thải, hệ thống thoát nước, thiết bị PCCC và có Ban quản lý chợ). Riêng các chợ hiện có trên địa bàn các xã có diện tích chợ dưới 1000 m <sup>2</sup> nhưng đảm bảo đầy đủ các công trình phụ trợ thì vẫn xem xét, công nhận đạt tiêu chí.				
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Văn hóa và Thông tin
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt			
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp	Đạt			
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt			
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥80%			
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người), cụ thể: - Năm 2021: ≥50 triệu đồng/người/năm; - Năm 2022: ≥53 triệu đồng/người/năm; - Năm 2023: ≥56 triệu đồng/người/năm; - Năm 2024: ≥59 triệu đồng/người/năm; - Năm 2025: ≥62 triệu đồng/người/năm;	Đạt mức quy định hàng năm	Chi Cục Thống kê khu vực Tiểu Cần – Trà Cú	- Các Phòng, ban, ngành huyện và các xã	Chi Cục Thống kê khu vực Tiểu Cần – Trà Cú
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	Đạt theo mức quy định của Bộ Lao động, Thương binh và XH	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào	≥70%	Phòng Lao	- Các phòng,	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		động - Thương binh và Xã hội	ban, ngành huyện và các xã	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 25\%$			
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	Phòng Tài chính- Kế hoạch	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Tài chính- Kế hoạch
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt			
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	$\geq 01$ sản phẩm chủ lực được thực hiện truy xuất nguồn gốc và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Phòng Nông nghiệp và PTNT	- Các sở, ngành tỉnh có liên quan - Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt		Các phòng, ban, ngành huyện các xã	
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	$\geq 01$			
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi;	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phòng Giáo dục và Đào tạo
		phổ cập giáo dục tiểu học;	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Đạt		
		phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	$\geq 98\%$		
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục	Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		mù chữ	THCS mức độ 2	Đạt			
			Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2				
			Trung tâm học tâm cộng đồng được đánh giá/xếp loại				
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	≥80%				
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥90%	Phòng Y tế, BHXH huyện, TT Y tế huyện	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Y tế
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt			
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)		≤19%			
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử		≥50%			
16	Văn hoá	Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới		≥80%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Văn hóa và Thông tin
17	Môi trường và An toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn		≥ 45% (≥ 30% từ hệ thống cấp nước tập trung)	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Các phòng ban, ngành huyện và các xã	Phòng Tài nguyên và Môi trường
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường		≥95%	Phòng Tài nguyên và Môi trường	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung		Đạt			
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn		≥2m <sup>2</sup> /người	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí			
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã				
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 85\%$	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã				
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%		- Phòng Nông nghiệp và PTNT, - Phòng Y tế				
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 70\%$	UBND xã	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã				
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 70\%$	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Các phòng ban, ngành huyện và các xã				
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%		Các phòng ban, ngành huyện và các xã				
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 30\%$	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã				
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$						
		18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt		Phòng Nội vụ	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Nội vụ
				18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt				
18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%								
18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt			Phòng Tư pháp					
18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực	Đạt			Phòng Lao động	Các phòng, ban, ngành				



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội		Thương binh và Xã hội	huyện và các xã	
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp	Đạt	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Ban Chỉ huy Quân sự huyện
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Công an huyện	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Công an huyện

**Phụ lục II**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC PHÒNG, BAN, NGÀNH HUYỆN**  
**PHỤ TRÁCH HƯỚNG DẪN, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÃ**  
**NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRÀ CÚ**  
**GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt			
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	100%	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
		Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	100%			
		2.2. Tỷ lệ đường áp và đường liên ấp Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥80%			
2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥90%					

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	$\geq 70\%$			
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Nông nghiệp và PTNT
	3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt				
	3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 50\%$ diện tích cây trồng chủ lực của xã được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước				
	3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt				
	3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt				
	3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt loại khá trở lên				
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 99\%$	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Giáo dục và Đào tạo
	5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo	Đạt				

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi				
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3			
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2			
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá			
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt			
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Văn hóa và Thông tin
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt			
		6.3. Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	≥90%			
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt			
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	Vùng đồng bào dân tộc thiểu số 50%			
			Các xã còn lại 80%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Văn hóa và Thông tin
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt			
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết	Đạt			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		quả xây dựng nông thôn mới				
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt			
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	90%	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người), cụ thể: - Năm 2021: $\geq 60$ triệu đồng/người/năm; - Năm 2022: $\geq 64$ triệu đồng/người/năm; - Năm 2023: $\geq 68$ triệu đồng/người/năm; - Năm 2024: $\geq 72$ triệu đồng/người/năm; - Năm 2025: $\geq 76$ triệu đồng/người/năm;	Đạt mức quy định hàng năm	Chi Cục Thống kê Khu vực Tiểu Cần – Trà Cú	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Chi Cục Thống kê Khu vực Tiểu Cần – Trà Cú
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	Đạt theo mức quy định do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 75\%$	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Các phòng, ban, ngành huyện và	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng	$\geq 30\%$			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		đạt cho cả nam và nữ)		hội	các xã	
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	$\geq 35\%$			
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	$\geq 1$	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Tài chính - Kế hoạch
		13.2. Xã có ít nhất 01 sản phẩm được công nhận đạt chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên và còn thời hạn	$\geq 1$	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	$\geq 1$			
		13.4. Có ít nhất 01 sản phẩm chủ lực có ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc	$\geq 1$			
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10\%$			
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt			
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội (nếu có)	Đạt	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	$\geq 1$	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Phòng Y tế, BHXH huyện, TT Y tế huyện	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Y tế
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả	$\geq 90\%$			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		nam và nữ)				
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$			
		14.4. Tỷ lệ dân số có số khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$			
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Văn phòng HĐND và UBND huyện	- Phòng Văn hóa và Thông tin  - UBND các xã	Văn phòng HĐND và UBND huyện
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt			
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt			
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	$\geq 1$	Phòng Tư pháp	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Tư pháp
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$			
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$			
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Tài nguyên và Môi trường
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%			
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 95\%$			
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 35\%$			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%			
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%			
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥85%			
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥10%			Các phòng, ban, ngành huyện và các xã
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥4m <sup>2</sup> /người	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥70%	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥55%	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Tài nguyên và Môi trường
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥60 lít			
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥40%			



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%			
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không			
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%			
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥80%	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Phòng Tài nguyên và Môi trường		
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Ban Chỉ huy Quân sự huyện
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Công an huyện	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Công an huyện

**Phụ lục III**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC BAN, NGÀNH HUYỆN**  
**PHỤ TRÁCH HƯỚNG DẪN, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ**  
**XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRÀ CÚ**  
**GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú)*

**I. ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ SAU (TIÊU CHÍ CHUNG)**

TT	Nội dung nhiệm vụ		Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí			
1	Tiêu chí chung	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn nâng cao giai đoạn 2018 - 2020, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025	Các phòng, ban, ngành huyện được phân công phụ trách tại Phụ lục II, Quyết định này	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Các phòng, ban, ngành huyện được phân công phụ trách tại Phụ lục II, Quyết định này
2	Về thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm	Chi Cục Thống kê Khu vực Tiểu Cần - Trà Cú	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Chi Cục Thống kê Khu vực Tiểu Cần - Trà Cú

## II. XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU PHẢI ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ

TT	Nội dung nhiệm vụ		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí				
1	Mô hình áp dụng thông minh	1.1 Có mô hình kinh tế được thực hiện tự động hóa từ 80% trở lên các công đoạn hoặc mô hình sản xuất nông nghiệp có hệ thống tưới tự động theo hướng tuần hoàn	Đạt	Phòng Tài chính - Kế hoạch	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Văn hóa và Thông tin
		1.2 Người dân tiếp cận được thông tin (về chủ trương, chính sách, an ninh trật tự, khoa học kỹ thuật, thủ tục hành chính, hoặc tiền điện, nước,...) trên app điện thoại thông minh, Cổng thông tin điện tử tỉnh Trà Vinh, mạng xã hội chính thống	$\geq 80\%$	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các Phòng, ban, ngành huyện và các xã	
		1.3 Ít nhất 90% hộ dân thanh toán tiền điện hoặc tiền nước không bằng tiền mặt hoặc ít nhất 80% hồ sơ được nộp trực tuyến	Đạt			
2	Sản xuất	2.1 Có mô hình liên kết chuỗi cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với kinh tế tuần hoàn và sử dụng công nghệ cao	$\geq 1$	Phòng Nông nghiệp và PTNT	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Nông nghiệp và PTNT
		2.2 Ít nhất 01 Hợp tác xã nông nghiệp sử dụng nền tảng số trong quản lý và điều hành	Đạt	Phòng Văn hóa và Thông tin		
		2.3 Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn $\geq 3$ sao hoặc tương đương còn thời hạn	$\geq 2$	Sở Nông nghiệp và PTNT		
		2.4 Tỷ lệ sản phẩm chủ lực hoặc sản phẩm OCOP của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	10%	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		

TT	Nội dung nhiệm vụ		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí				
3	Cảnh quan môi trường	3.1 Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 96\%$	Phòng Tài nguyên và Môi trường	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Tài nguyên và Môi trường
		3.2 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 6\text{m}^2/\text{người}$	Phòng Nông nghiệp và PTNT		
		3.3 Có tuyến đường trồng chuyên biệt hoặc trồng kết hợp cây xanh, cây cảnh, hoa nhưng có một loại chủ đạo, đảm bảo sáng, xanh - sạch - đẹp, nổi trội	chiều dài $\geq 2\text{km}$	Phòng Tài nguyên và Môi trường		
		3.4 Có mô hình phân loại, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt và mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp	$\geq 1$ mô hình			
4	Chuyển đổi số	4.1 Tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp mức độ 4	100%	Phòng Văn hóa và Thông tin, Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Nội vụ, Khu vực Cầu Ngang-Trà Cú	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Văn hóa và Thông tin
		4.2 Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 60%	Đạt			
		4.3 Có ít nhất 90% cán bộ/công chức/viên chức của bộ phận một cửa được đánh giá qua công dịch vụ công ở mức 4 và 5 (theo thang 5 mức độ: 1 = rất không hài lòng, 2 = không hài lòng, 3 = bình thường, 4 = hài lòng và 5 = rất hài lòng) về dịch vụ hành chính công điện tử	Đạt			

TT	Nội dung nhiệm vụ		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí				
		4.4 Trên 90% doanh nghiệp tham gia đánh giá xác nhận mức độ chuyên đổi số trên Cổng thông tin chỉ số chuyên đổi số doanh nghiệp (dbi.gov.vn); tối thiểu 30% doanh nghiệp áp dụng ít nhất 01 nền tảng số phục vụ hoạt động, sản xuất kinh doanh	Đạt			
		4.5 Xã có Tô công nghệ số cộng đồng	Đạt			
		4.6 Tỷ lệ các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội được gán địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số	≥50%			

### III. LỰA CHỌN THỰC HIỆN ĐẠT MỘT TRONG CÁC TIÊU CHÍ SAU

TT	Nội dung nhiệm vụ		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí				
1	Giáo dục	1.1 Có mô hình giáo dục môi trường và thực hiện phân loại rác trong trường học	Đạt	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Giáo dục và Đào tạo
		1.2 Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại “khá”, trong đó chỉ tiêu về kết quả học tập thường xuyên của người lao động đạt $\geq 3$ điểm	Đạt			

TT	Nội dung nhiệm vụ		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí				
2	Văn hóa	2.1 Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở công cộng	100%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Văn hóa và Thông tin
		2.2 Các giá trị văn hóa truyền thống được khai thác hiệu quả và lồng ghép vào các điểm du lịch OCOP	Đạt			
3	Du lịch	Có điểm du lịch cộng đồng đạt chuẩn OCOP cấp tỉnh và còn thời hạn	≥1	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Các Phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Nông nghiệp và PTNT
4	An ninh trật tự	4.1 Không xảy ra tội phạm nghiêm trọng trở lên trong 3 năm liền trước khi công nhận	Đạt	Công an huyện	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Công an huyện
		4.2 Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên, khu dân cư, các tuyến đường giao thông liên xã đèn ngõ, xóm được lắp đặt camera an ninh hoạt động 24/24 và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, đạt loại khá trở lên	Đạt			
5	Cảnh quan môi trường	5.1 Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	100%	Phòng Tài nguyên và Môi trường	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Tài nguyên và Môi trường
		5.2 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥10m <sup>2</sup> /người	Phòng Nông nghiệp và PTNT		
		5.3 Có tuyến đường trồng chuyên biệt hoặc trồng kết hợp cây xanh,	chiều dài ≥3km	Phòng Tài nguyên và Môi trường		

TT	Nội dung nhiệm vụ		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí				
		cây cảnh, hoa nhưng có một loại chủ đạo, đảm bảo sáng, xanh - sạch - đẹp, nổi trội		trường		
		5.4 Có mô hình phân loại, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt và mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp	≥2 mô hình			
6	Sản xuất	6.1 Có mô hình liên kết chuỗi cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với kinh tế tuần hoàn và sử dụng công nghệ cao	≥2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Nông nghiệp và PTNT
		6.2 Ít nhất 02 hợp tác xã nông nghiệp sử dụng nền tảng số trong quản lý và điều hành	Đạt	Phòng Văn hóa và Thông tin		
		6.3 Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn ≥ 4 sao hoặc tương đương còn thời hạn	≥2	Phòng Nông nghiệp và PTNT		
		6.4 Tỷ lệ sản phẩm chủ lực hoặc sản phẩm OCOP của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	20%	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		

**Phụ lục IV**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC BAN, NGÀNH HUYỆN**  
**PHỤ TRÁCH HƯỚNG DẪN, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ**  
**HUYỆN NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRÀ CÚ**  
**GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Báo cáo kết quả thẩm tra tiêu chí
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	Đạt	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
		1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	≥01 công trình			
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm	Đạt	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%			
		2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường	≥50%			
		2.4. Bên xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	Đạt			
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Nông nghiệp và PTNT
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt			



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Báo cáo kết quả thẩm tra tiêu chí
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn	Đạt	Phòng Y tế, Trung tâm Y tế		Phòng Y tế
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã	Đạt	Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện.	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Văn hóa và Thông tin
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	≥60%	Phòng Giáo dục và Đào tạo		Phòng Giáo dục và Đào tạo
		5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 1			
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn	Đạt	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
		6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt			
		6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Phòng Nông nghiệp và PTNT	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Nông nghiệp và PTNT
		6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đạt			
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên	Đạt	Phòng Tài nguyên và	Các phòng,	Phòng Tài

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Báo cáo kết quả thẩm tra tiêu chí
		địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh		Môi trường	ban, ngành huyện và các xã	nguyên và Môi trường
		7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 40\%$			
		7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên	$\geq 01$ mô hình	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Nông nghiệp và PTNT
		7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	$\geq 01$ công trình			
		7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	Đạt	Phòng Tài nguyên và Môi trường	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Tài nguyên và Môi trường
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Nông nghiệp và PTNT
		7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	Phòng Tài nguyên và Môi trường	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Tài nguyên và Môi trường
		7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo	100%			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Báo cáo kết quả thẩm tra tiêu chí
		vệ môi trường theo quy định				
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 50\%$	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Nông nghiệp và PTNT
		8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 50\%$			
		8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Đạt	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Các Phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Tài nguyên và Môi trường
		8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt			
		8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Phòng Y tế	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Y tế
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Phòng Nội vụ	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Nội vụ
		9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%			
		9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị	Không			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Báo cáo kết quả thẩm tra tiêu chí
		truy cứu trách nhiệm hình sự				
		9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự	Đạt	Công an huyện	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Công an huyện
		9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Văn phòng HĐND và UBND huyện	- Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Văn phòng HĐND và UBND huyện
		9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Phòng Tư pháp	Các phòng, ban, ngành huyện và các xã	Phòng Tư pháp